TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tư do - Hạnh phúc**

Bảnán: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2018
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phùng Như

2. Ông Đặng Quốc Cần

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích L, sinh năm 1982 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn G, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa ánnguyên đơn chị Nguyễn Bích L trình bày:*

Chị và anh G kết hôn và chung sống từ năm 1998 nhưng đến nay chưa đi đăng ký kết hôn. Lý do chưa đăng ký kết hôn là do hoàn cảnh gia đình khó khăn và thường xuyên đi làm ăn xa.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G thường xuyên đi chơi cả ngày lẫn đêm, không lo lắng cho gia đình. Do đó, chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Huỳnh Thị T, sinh năm 1999 và Huỳnh Văn K, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2001. Hiện các con đang sống với gia đình, đều đã trưởng thành và có quyền tự quyết định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 11/6/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án bị đơn anh Huỳnh Văn G trình bày:

Anh cho rằng anh và chị L cưới nhau năm 1998 nhưng có đăng ký kết hôn hay không thì anh không nhớ rõ vì thời gian quá lâu nên anh yêu cầu được về triểm tra lại và sẽ báo cho Tòa án sau.

Anh thừa nhận việc thường xuyên không có ở nhà (ở nhà cha mẹ, bà con), lý do là trước đây chị L đòi ly hôn nếu không chịu ly hôn sẽ thuốc anh chết nên anh sợ.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Huỳnh Thị T, sinh năm 1999 và Huỳnh Văn K, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2001. Hiện các con đang sống với gia đình, đều đã trưởng thành và có quyền tự quyết định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Bích L, ý kiến anh như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Trường hợp, Tòa án cho ly hôn thì các con đều đã trưởng thành, có quyền tự quyết định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 25/6/2018, con chung của anh Giỏi và chị L là Huỳnh Thị T và Huỳnh Văn K trình bày:

Về hôn nhân của cha mẹ thì H và K không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L và anh G đồng ý ly hôn, con chung đã trưởng thành có quyền tự quyết định, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh G xác định anh chị sống với nhau nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn G nên đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bích L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn G. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng với lời trình bày của các đương sự đã xác định chị L và anh G sống chung như vợ chồng kể từ năm 1998 nhưng đến nay anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị L và anh G là vợ chồng.

Về con chung: Chị L và anh G xác định các con là Huỳnh Thị H, sinh năm 1999 và Huỳnh Văn K, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2001 đều đã trưởng thành, có quyền tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, cháu H và cháu Kcũng không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các con đã trưởng thành và chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh G đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Bích L phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phíc hị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002649, ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị L đã nộp đủ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Bích L và anh Huỳnh Văn G là vợ chồng.

[2].Về con chung: Chị L và anh G xác định các con là Huỳnh Thị H, sinh năm 1999 và Huỳnh Văn K, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2001 đều đã trưởng thành, có quyền tự quyết định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Bích L phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002649, ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R. Chị L đã nộp đủ án phí theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Bích L và anh Huỳnh Văn G được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 17/7/2018.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh

* Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.